

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH BẮC NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 36/2026/DS-PT

Ngày 20-01-2026

V/v: Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa: Ông Hà Văn Nâu.

Các Thẩm phán: Ông Nguyễn Việt Hùng và bà Ngô Thị Thanh Hảo.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Bích - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân tỉnh Bắc Ninh tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Dũng - Kiểm sát viên.

Ngày 20/01/2026, tại trụ sở, Tòa án nhân dân tỉnh Bắc Ninh xét xử phúc thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 349/2025/TLST-DS ngày 10/11/2025, về việc: “ Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” do Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số 203/2025/QĐXX-PT ngày 23/12/2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số 181/2026/QĐPT-DS ngày 08/01/2026, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Thân Đình Đ, sinh năm 1994; địa chỉ tổ dân phố P, phường N, tỉnh Bắc Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Anh Lâm Đình H, sinh năm 2001; địa chỉ tổ dân phố T, phường B, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

2. *Bị đơn:* Anh Hoàng Văn Q, sinh năm 1982; địa chỉ tổ dân phố P, phường N, tỉnh Bắc Ninh, có mặt.

Người kháng cáo: Nguyên đơn anh Thân Đình Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, thì nội dung vụ án như sau:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai tiếp theo nguyên đơn anh Thân Đình Đ trình bày: Trong thời gian từ ngày 04/6/2022 đến nay anh đã cho ông Q vay làm nhiều lần, tổng số tiền vay là 417.750.000đ, cụ thể:

1. Ngày 04/6/2022, anh Hoàng Văn Q vay anh số tiền 100.000.000 đồng (một trăm triệu đồng). Khoản tiền trên được anh chuyển từ số tài khoản 19028524185027 Ngân hàng T mang tên THAN DINH DANG đến số tài khoản 081234556789 Ngân hàng M mang tên HOANG VAN QUYET (mã giao dịch FT22155232609422).

2. Ngày 05/6/2022, anh Hoàng Văn Q vay anh số tiền 40.000.000 đồng (bốn mươi triệu đồng). Khoản tiền trên được anh chuyển từ số tài khoản 1020190041 Ngân hàng S mang tên THAN DINH DANG đến số tài khoản 081234556789 ngân hàng M mang tên HOANG VAN QUYET (mã giao dịch MOB138462816) với nội dung “e Dang ck a Quyet ma 5.6”.

3. Ngày 08/6/2022, anh Hoàng Văn Q vay anh số tiền 180.000.000 đồng (một trăm tám mươi triệu đồng). Khoản tiền trên được ông chuyển từ số tài khoản 100688689 Ngân hàng V mang tên THAN DINH DANG đến số tài khoản 081234556789 ngân hàng M mang tên HOANG VAN QUYET (mã giao dịch FT22159037904712) với nội dung “E Dang ck ma 86”.

4. Ngày 27/6/2022, anh Hoàng Văn Q vay anh số tiền 28.650.000 đồng (hai mươi tám triệu, sáu trăm năm mươi nghìn đồng). Khoản tiền trên được anh chuyển từ số tài khoản 100688689 Ngân hàng V mang tên THAN DINH DANG đến số tài khoản 081234556789 Ngân hàng M mang tên HOANG VAN QUYET (mã giao dịch FT22178066475878) với nội dung “E Dang ck ma 276”.

5. Ngày 19/9/2022, anh Hoàng Văn Q vay anh số tiền 250.000.000 đồng (hai trăm năm mươi triệu đồng). Khoản tiền trên được anh chuyển từ số tài khoản 100688689 Ngân hàng V mang tên THAN DINH DANG đến số tài khoản 821987868868 Ngân hàng MBBABK mang tên DUONG THI HA (vợ của anh Q) (mã giao dịch FT22262221953103) với nội dung “E Dang ck”.

Đến ngày 29/9/2022, anh Hoàng Văn Q chuyển trả anh khoản tiền vay nợ là 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng).

Còn khoản tiền 50.000.000 đồng (năm mươi triệu đồng) đến nay anh Q vẫn chưa thanh toán.

6. Ngày 21/9/2022, anh Hoàng Văn Q vay anh số tiền 19.100.000 đồng (mười chín triệu một trăm nghìn đồng). Khoản tiền trên được anh chuyển từ số tài khoản 100688689 Ngân hàng V mang tên THAN DINH DANG đến số tài khoản 081234556789 ngân hàng M mang tên HOANG VAN QUYET (mã giao dịch FT22264127981927) với nội dung “E Dang ck ma 2109”.

Khi vay hai bên không lập thành văn bản nhưng thoả thuận lãi suất ngoài là 0,83%/tháng, 10%/năm.

Từ ngày vay đến nay, anh Q đã trả anh bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản 08124556789 của anh Q mở tại Ngân hàng M sang tài khoản của anh Đ là 100688689 mở tại Ngân hàng V. Tổng số tiền anh nhận được là 262.419.000đ. Nhưng tính đến tháng 10/2023, anh Q trả anh được 229.419.000đ.

Đến tháng 10/2023 anh Q trả anh được 229.419.000đ, anh không đồng ý trừ vào gốc vay và lãi vay mà chỉ đồng ý trừ vào gốc anh Q trả ông 60.750.000đ. Còn lại 357.000.000đ chưa trả được. Số tiền sau ngày 27/10/2023 anh Q đã trả 33.000.000đ thì anh đồng ý trừ vào gốc.

Vào ngày 27/10/2023, anh có nhắn tin yêu cầu anh Q trả tiền vay đối với số tiền chưa trả là 357.000.000đ nhưng anh Q không trả nên anh yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền. Thời hạn tính lãi từ ngày 01/11/2023 đến ngày xét xử sơ thẩm.

Nay anh yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết:

1. Buộc anh Hoàng Văn Q có trách nhiệm thanh toán khoản tiền nợ gốc tại 06 khoản vay kể trên cho anh là 357.000.000 đồng (ba trăm năm mươi bảy triệu đồng).

2. Buộc anh Hoàng Văn Q có trách nhiệm thanh toán khoản tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật (10%/năm) tính từ ngày 01/11/2023, tạm tính đến ngày 04/7/2025 là 59.793.424 đồng (năm mươi chín triệu bảy trăm chín mươi ba nghìn bốn trăm hai mươi tư đồng).

Tổng số tiền anh Hoàng Văn Q phải thanh toán cho anh là 416.793.424 đồng (bốn trăm mười sáu triệu, bảy trăm chín mươi ba nghìn, bốn trăm hai mươi tư đồng).

Bị đơn anh Hoàng Văn Q tại phiên tòa trình bày: Anh và anh Đ có mối quan hệ quen biết ngoài xã hội. Trong thời gian từ 04/6/2022 đến nay anh có vay anh Đ làm nhiều lần nhưng không lập thành văn bản, tiền vay được chuyển từ tài khoản của người cho vay là anh Q. Anh Q cho anh vay không tính lãi suất và không thoả thuận ngày trả, cụ thể như sau:

- Ngày 04/6/2022 vay 100.000.000đ.
- Ngày 05/6/2022 vay 40.000.000đ.
- Ngày 08/6/2022 vay 180.000.000đ.
- Ngày 27/6/2022 vay 28.650.000đ.
- Ngày 19/9/2022 vay 50.000.000đ.
- Ngày 21/9/2022 vay 19.100.000đ.

Tổng cộng gốc: 417.750.000đ. Về lãi suất: $357.000đ \times 0,83\%/tháng \times 22 tháng = 66.020.548đ$.

Từ ngày vay đến nay, anh đã trả cho anh Đ làm nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản từ tài khoản 08124556789 của anh mở tại M sang tài khoản của anh Đ là 100688689 mở tại Ngân hàng V. Tổng số tiền anh Đ nhận được là 262.419.000đ. Về lãi suất anh đồng ý tính lãi từ ngày anh Đ khởi kiện và được Tòa án thụ lý là ngày 23/6/2025 đến nay. Cụ thể anh đồng ý tính lãi trên số tiền chậm trả là: $417.750.000đ - 262.419.000đ = 155.331.000đ$ nhân với lãi suất theo quy định của pháp luật là 10%/năm.

Anh Đ yêu cầu tính lãi chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền từ ngày 27/10/2023 đến nay đối với số tiền vay chưa trả là 357.000.000đ, anh không đồng ý vì: Anh vay tiền anh Đ không tính lãi. Anh vay tiền và trả dần nên anh Đ không đòi, chỉ đến khi anh Đ1 đòi anh tiền, anh không có trả ngay nên anh Đ khởi kiện ngay ra Tòa. Không có việc anh Đ nhắn tin đòi tiền anh trên điện thoại.

Việc anh Đ nhấn tin cho anh hay không thì anh không nhớ được, nhưng nếu có nhấn tin về việc chốt nợ mà anh nhấn lại với nội dung anh còn nợ anh Đ số tiền làm bao nhiêu thì anh mới thừa nhận.

Việc vay tiền giữa anh và Đ là việc riêng cá nhân anh không liên quan gì đến với vợ anh chị Dương Thị H1. Khi vay vợ anh không biết. Tiền vay được anh cho người khác vay, không sử dụng vào việc chung của gia đình.

Với nội dung trên, Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh, đã quyết định:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, Điều 35, Điều 147, Điều 266, Điều 269, Điều 271, Điều 273; Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ Điều 429, Điều 463, Điều 466 của Bộ luật dân sự 2015;

Căn cứ khoản 2 Điều 26 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thân Đình Đ đối với bị đơn anh Hoàng Văn Q.

Buộc anh Hoàng Văn Q phải trả cho anh Thân Đình Đ số tiền gốc lãi là 159.585.515đ (một trăm năm mươi chín triệu, năm trăm tám mươi lăm nghìn, năm trăm mười lăm đồng), trong đó gốc vay là 155.331.000đ, lãi vay là 4.254.515đ.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền hàng tháng, bên phải thi hành án còn phải trả khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí, quyền thi hành án và quyền kháng cáo cho các bên đương sự.

Ngày 09/10/2025, anh Thân Đình Đ kháng cáo bản án, nội dung: Không đồng ý với bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

Tại phiên tòa phúc thẩm, nguyên đơn và người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và nội dung kháng cáo.

Các đương sự có mặt tại phiên tòa không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới.

Tham gia phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến: Quá trình giải quyết vụ án từ khi thụ lý vụ án đến trước khi mở phiên tòa, Thẩm phán và Thư ký Tòa án tuân theo đúng trình tự tố tụng. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ khoản 1 Điều 308 Bộ Luật tố tụng dân sự, đề nghị HĐXX phúc thẩm: Không chấp nhận kháng cáo của anh Thân Đình Đ, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

Về án phí phúc thẩm: Đề nghị HĐXX xem xét, giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét nội dung kháng cáo của anh Thân Đình Đ. HĐXX thấy:

- *Về thẩm quyền:* Nguyên đơn anh Thân Đình Đ khởi kiện đối với bị đơn anh Hoàng Văn Q yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh giải quyết về việc: “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”, bị đơn đang cư trú tại phường N, tỉnh Bắc Ninh.

Do đó, Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh thụ lý và giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 3 Điều 26, Điều 35 và Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về quan hệ pháp luật:* Nguyên đơn anh Thân Đình Đ khởi kiện đối với bị đơn anh Hoàng Văn Q yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh giải quyết về việc đề nghị thanh toán tiền gốc và tiền lãi chậm trả theo quy định pháp luật. Do đó, Bản án sơ thẩm xác định quan hệ pháp luật “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” là đảm bảo theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- *Về thời hiệu khởi kiện:* Nguyên đơn cho bị đơn vay tiền nhưng không lập hợp đồng và không có thỏa thuận thời hạn thanh toán nên bản án sơ thẩm xác định còn thời hiệu khởi kiện là đảm bảo quy định tại Điều 429 Bộ luật dân sự.

[2]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thân Đình Đ yêu cầu Tòa án buộc anh Hoàng Văn Q phải trả số tiền gốc vay là 357.000.000 đồng. HĐXX thấy:

Trong quá trình tham gia tố tụng, các đương sự và người đại diện của các đương sự đều thừa nhận việc anh Thân Đình Đ cho anh Hoàng Văn Q vay tiền và vay làm nhiều lần bằng hình thức chuyển khoản với tổng số tiền là 417.750.000đ, các bên không lập văn bản, không thỏa thuận về lãi suất, không thỏa thuận về thời hạn thanh toán.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 31/7/2025, anh Hoàng Văn Quyết liệt kê các giao dịch ngân hàng đã trả tiền cho anh Thân Đình Đ, trong đó tổng số tiền tính đến ngày 14/01/2025 anh Q đã chuyển khoản trả cho anh Đ là 262.419.000đ. Anh Đ thừa nhận việc nhận được số tiền này và đồng ý trừ vào tiền gốc vay.

Do đó, Bản án sơ thẩm xác định số tiền gốc mà anh Hoàng Văn Q phải trả anh Thân Đình Đ là: $417.750.000đ - 262.419.000đ = 155.331.000đ$ là có căn cứ.

[3]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn anh Thân Đình Đ yêu cầu Tòa án buộc anh Hoàng Văn Q phải trả số tiền lãi chậm trả là 59.793.424 đồng. HĐXX thấy:

Bản án sơ thẩm xác định: Anh Thân Đình Đ đề nghị Tòa án tính lãi chậm trả từ ngày 27/10/2023 nhưng anh Đ không có căn cứ chứng minh việc đòi tiền anh Hoàng Văn Q từ ngày 27/10/2023. Thực tế, sau ngày 27/10/2023 anh Q vẫn trả tiền cho anh Đ và được Đ thừa nhận, trừ vào tiền gốc vay. Do vậy, không có căn cứ để tính lãi chậm trả từ ngày 27/10/2023. Bản án sơ thẩm xác định tính lãi từ ngày anh Thân Đình Đ làm đơn khởi kiện, đến ngày có phán quyết của bản án sơ thẩm là có căn cứ.

Trên cơ sở đó, Bản án sơ thẩm xác định lãi suất theo quy định pháp luật là 10%/năm, số tiền lãi chậm trả tính từ ngày anh Đ làm đơn khởi kiện đến ngày có phán quyết của bản án sơ thẩm là 3 tháng 10 ngày: $155.331.000 \text{ đồng} \times 0,83\%/\text{tháng} \times 3 \text{ tháng } 10 \text{ ngày} = 4.254.515\text{đ}$ là đảm bảo quy định pháp luật.

[4]. Trong quá trình xem xét nội dung kháng cáo theo quy định tại Điều 293 Bộ Luật tố tụng dân sự, anh Thân Đình Đ và người đại diện theo ủy quyền không cung cấp được thêm tài liệu, chứng cứ gì mới theo quy định tại Điều 287 Bộ luật tố tụng dân sự nên HĐXX phúc thẩm không có cơ sở để chấp nhận kháng cáo của anh Thân Đình Đ.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 308 Bộ luật tố tụng dân sự, HĐXX phúc thẩm: Giữ nguyên bản án sơ thẩm, như ý kiến phát biểu của Kiểm sát viên VKSND tỉnh Bắc Ninh đã đề nghị tại phiên tòa phúc thẩm.

[5]. Về án phí dân sự phúc thẩm: Do kháng cáo của anh Thân Đình Đ không được chấp nhận nên anh Đ phải chịu án phí theo quy định tại Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

[6]. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị, Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét, giải quyết.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ khoản 1 Điều 308 và Điều 313 Bộ Luật tố tụng dân sự.

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của anh Thân Đình Đ. Giữ nguyên Bản án dân sự sơ thẩm số 73/2025/DS-ST ngày 25/9/2025 của Tòa án nhân dân khu vực 2 – Bắc Ninh.

2. Về án phí dân sự phúc thẩm: Căn cứ Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí và lệ phí Tòa án.

Buộc anh Thân Đình Đ phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự phúc thẩm nhưng được trừ vào số tiền 300.000đ anh Thân Đình Đ đã nộp theo biên lai thu số 0001982 ngày 17/10/2025 tại Thi hành án dân sự tỉnh Bắc Ninh.

3. Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo, kháng nghị có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Bắc Ninh;
- TAND, VKSND khu vực 2 – Bắc Ninh;
- Thi hành án Dân sự tỉnh Bắc Ninh;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Các đương sự;
- Lưu: HS, VPHCTP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC
THẨM THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

